

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Đăng Ninh.

2. Bà Trịnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2022, bản tự khai ngày 06/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Mai Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/12/2014 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi kết hôn không tìm hiểu kỹ về nhau, do sự khác biệt về quan điểm sống nên nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 5/2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Mai Xuân T sinh ngày 10/3/2015. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2022 và trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn vào ngày 29/12/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau dẫn đến cãi vã, thường xuyên bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn anh T.

Về con: Vợ chồng có một con chung như anh T trình bày. Hiện tại cháu đang ở với bà nội. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Văn T và chị và chị Nguyễn Thị M; về con: giao cháu Mai Xuân T, sinh ngày 10/3/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Anh Mai Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị M. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi kết hôn chưa tìm hiểu kỹ về nhau, do khác biệt về quan điểm sống, thường xuyên bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T làm đơn yêu cầu ly hôn chị M, chị M cũng đồng ý ly hôn anh T. Xét việc thỏa thuận tình ly hôn này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX chấp nhận.

[2] Về con: Vợ chồng có một con chung là Mai Xuân T sinh ngày 10/3/2015. Anh T và chị M đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu T đang ở với bố và bà nội, nguyện vọng của cháu là được ở với bố, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do anh T không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Anh T và chị M đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị M.

2. Về con: Giao cháu Mai Xuân T sinh ngày 10/3/2015 cho anh Mai Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0015050 ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, anh T đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã L, huyện
N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến